

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 604/2022/DS-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nhất Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý.
2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Tiệp – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 04 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 416/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 317/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Đặng Thị Vân H, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: đường N, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976;

Địa chỉ: đường H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: ông Trịnh Quốc T, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: đường T, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Đặng Thị Vân H và ông Trịnh Quốc T có quan hệ quen biết nhau nên bà H có cho ông T vay số tiền là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng vào năm 2016, ông T đã nhận đủ số tiền trên, không làm giấy tờ vay (đây là số tiền cá nhân của bà H). Sau đó, ông T đã trả cho bà H được 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Còn lại 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng thì ngày 02/12/2019, ông T làm giấy cam kết sẽ trả hết cho bà H trước ngày 31/01/2020 (trong giấy cam kết, ông T ghi nhầm là ngày 31/01/2019).

Tuy nhiên, đến ngày 31/01/2020, ông T vẫn không trả nợ cho bà H và cho đến nay ông T cũng vẫn không trả mặc dù ông cam kết qua tin nhắn điện thoại là sẽ trả cho bà H. Do đó, bà H đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H là:

Đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Trịnh Quốc T trả cho bà H số tiền gốc là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu đồng) cùng với lãi suất 10%/năm, tương đương 35.00.000 đồng/năm (2.916.000 đồng/tháng).

Bà H tính số tiền lãi từ ngày 01/02/2020 đến ngày 27/9/2022 là 31 tháng x 2.916.000 đồng/tháng = 90.396.000 (Chín mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2022 là 440.396.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng. Bà H chỉ yêu cầu cá nhân ông Trịnh Quốc T trả đủ, trả một lần sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Trịnh Quốc T: vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác minh thu thập chứng cứ, Thông báo tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Chưa đảm bảo thời hạn theo qui định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà Đặng Thị Vân H và ông Trịnh Quốc T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Trịnh Quốc T cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Trịnh Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không tham gia cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Theo giấy cam kết ngày 02/12/2019 của ông Trịnh Quốc T và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có cơ sở xác định ông Trịnh Quốc T có vay của bà Đặng Thị Vân H số tiền là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng vào năm 2016, ông T đã trả cho bà H được 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, còn lại 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng. Ngày 02/12/2019, ông T làm giấy cam kết sẽ trả toàn bộ số tiền còn thiếu cho bà H trước ngày 31/01/2020 (trong giấy cam kết, ông T ghi nhầm là ngày 31/01/2019). Thỏa thuận giữa bà H với ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực

Về yêu cầu tiền lãi: Theo hợp đồng thì hai bên không thỏa thuận tính lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi là 10%/năm, bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 4 Điều 466, Điều 468 là có cơ sở chấp nhận.

Tính đến ngày 27/9/2022, ông T còn nợ bà H tổng số tiền là 440.396.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, trong đó nợ gốc 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu), tiền lãi từ ngày 01/02/2020 đến ngày 27/9/2022 là $31 \text{ tháng} \times 2.916.000 \text{ đồng/tháng} \times 350.000.000 \text{ đồng} = 90.396.000$ (Chín mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

Bị đơn ông Trịnh Quốc T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, số tiền còn nợ.

Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó bà H yêu cầu ông Trịnh Quốc T thanh toán tổng số tiền là 440.396.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trịnh Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Trịnh Quốc T trả cho bà Đặng Thị Vân H số tiền là 440.396.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng. Trong đó nợ gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi là 90.396.000 (Chín mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trịnh Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.615.840 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm mười lăm nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nhất Bình